TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **504**/2026/DS-PT Ngày: 10/6/2026 V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy;

Ông Lê Thành Tôn;

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Ông Huỳnh Hữu Nghi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 852/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp *"hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1466/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Mỹ T**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp H, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Đỗ Thị Ngọc O**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp H, xã A, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Q là Luật sư **Nguyễn Quang H** thuộc đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số B đường D, phường A, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Theo lời trình bày của chị O là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Vào năm 2023 chị Phan Thị Mỹ T có cho anh Nguyễn Văn Q vay số tiền 622.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi hai triệu đồng) để Q có vốn làm ăn khi đó Q có viết biên nhận đề ngày 29/03/2023, sau khi vay tiền Quân không trả cho chị T bất cứ số tiền nào. Vì chỗ quen biết nên chị T mới đồng ý cho anh Q vay.

Đồng thời, trước đó anh Q có tham gia nhiều dây hụi do chị T làm chủ hụi sau khi anh Q hốt hụi thì không chịu chầu tiền hụi chết cho chị T tổng số tiền gốc là 518.000.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu đồng) đối với số tiền này anh Q cũng viết biên nhận vào ngày 20/5/2024, cụ thể từng dây hụi như sau:

1. Dây hụi 10.000.000 đồng, khui ngày 04 tháng 02 năm 2022, hai tháng khui một lần, gồm 13 hụi viên, anh Q tham gia 02 chân và đã bỏ hụi hốt hụi vào lần thứ 1 (bỏ số tiền 1.700.000 đồng) hốt được số tiền 99.600.000 đồng trừ cò 5.000.000 đồng anh Q còn nhận số tiền 94.600.000 đồng; tiếp theo Q hốt hụi lần 02 (bỏ hụi 1.600.000 đồng) hốt được số tiền 102.000.000 đồng trừ cò 5.000.000 đồng còn lại số tiền 97.400.000 đồng. Dây hụi này đã mãn. Anh Q ngưng chầu từ tháng 10/2022. Chị T đã chầu thay cho anh Q toàn bộ hai dây hụi từ tháng 10 với số tiền 180.000.000 đồng.

2. Dây hụi ngày 04 tháng 3 năm 2022 với số tiền 4.000.000 đồng, gồm 21 hụi viên, hốt lần thứ 1 (bỏ hụi số tiền 900.000 đồng) hốt được số tiền 62.000.000 đồng trừ cò 2.000.000 đồng còn nhận số tiền 60.000.000 đồng. Anh Q ngưng chầu từ tháng 10 năm 2022 đến nay chị T đã chầu thay cho anh Q chân hụi với số tiền là 56.000.000 đồng.

3. Dây hụi ngày 01 tháng 6 năm 2022 với số tiền 4.000.000 đồng, gồm 21 hụi viên, anh Q tham gia 02 chân, hốt lần thứ 3 (bỏ hụi số tiền 870.000 đồng) hốt hụi được số tiền 64.340.000 đồng trừ cò 2.000.000 đồng còn lại 62.340.000 đồng; Hốt lần thứ 4 (bỏ hụi 650.000 đồng) hốt được 68.950.000 đồng trừ cò 2.000.000 đồng còn lại 66.950.000 đồng. Hai dây hụi này chị T đã chầu thay cho anh Q với số tiền là 136.000.000 đồng.

4. Dây hụi ngày 24 tháng 10 năm 2022 với số tiền 5.000.000 đồng, gồm 19 hụi viên, anh Q tham gia 02 chân hụi, hốt hụi lần thứ 1 (bỏ hụi với số tiền là 720.000 đồng) hốt được số tiền là 72.760.000 đồng trừ cò 2.500.000 đồng còn lại Q nhận là 72.260.000 đồng; hốt lần thứ 02 (bỏ hụi 720.000 đồng) hốt được số tiền là 73.760.000 đồng trừ cò 2.500.000 đồng còn lại là 72.760.000 đồng. Dây hụi này đã mãn. Chị T đã chầu thay cho anh Quân số tiền là 170.000.000 đồng.

Tất cả 04 dây hụi trên anh Q hốt hụi mà không chầu tổng cộng số tiền chị T chầu thay là 542.000.000 đồng, sau đó anh Q trả được 24.000.000 đồng số tiền còn lại anh Q còn thiếu 518.000.000 đồng nên anh Q có chốt hụi lại vào ngày 20 tháng 5 năm 2024 và có viết biên nhận.

Số tiền anh Q hiện chuyển trả cho chị T 130.000.000 đồng là tiền của hai dây hụi chưa mãn như sau: Dây hụi khui ngày 16 tháng 3 năm 2023, hụi 10.000.000 đồng, 02 tháng khui 01 lần, Q tham gia 02 chân hụi, hụi này mới mãn vào tháng 7 ÂL năm 2025 và dây hụi khui ngày 20 tháng 3 năm 2024, hụi 5.000.000 đồng; anh Q tham gia 02 chân, Dây hụi này hiện chưa mãn. Hai dây hụi này anh Q đã hốt hết và có viết biên nhận cho chị T vào ngày 20 tháng 6 năm 2024 và đang chầu hụi trả cho chị T, nên chị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có nhiều lần tìm gặp yêu cầu anh Q trả số tiền vay và tiền hụi do chị T chầu thay cho anh Q nhưng đến nay Q không chịu trả. Nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Q trả cho chị T số tiền như sau:

1. Tiền vay gốc 622.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi hai triệu đồng) và lãi tính từ ngày 29/03/2023 đến 29/9/2025 là 30 tháng x 622.000.000 đồng x 0,83% = 154.878.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 776.878.000 đồng.

2. Tiền gốc hụi chết chị T chầu thay cho anh Quân số tiền 518.000.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu đồng) và tiền lãi tính từ tháng 20/5/2024 đến 20/9/2025 là 16 tháng x 518.000.000 đồng x 0,83% = 68.790.400 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 586.790.400 đồng.

Ngoài ra, chị T yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp) về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là quyền sử dụng đất tại các thửa: Thửa 355 diện tích 6.598,1m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955275, số vào sổ cấp GCN: CN 04128 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên; Thửa 320, diện tích 10.256,8m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955276, số vào sổ cấp GCN: CN 04129 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên và thửa 287, diện tích 7.389,1m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955277, số vào sổ cấp GCN: CN 04130 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên.

** Theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn Q trong quá trình giải quyết vụ án:* Qua yêu cầu của chị T thì anh Q không thống nhất mà chỉ thừa nhận như sau:

- Đối với biên nhận ngày 29/03/2023 số tiền 622.000.000 đồng thì anh Q thừa nhận là chữ ghi họ tên trong biên nhận là của anh Q và anh Q cũng thừa nhận đây là nợ tiền hụi chưa trả cho chị T, sau khi viết nhận nợ thì anh Q có

nhiều lần chuyển khoản trả nợ cho chị T (có lần 20.000.000 đồng, có lần 10.000.000 đồng và 15.000.000 đồng) tổng cộng trả được 130.000.000 đồng. Anh Q thống nhất 622.000.000 đồng nợ theo biên nhận trừ số tiền 130.000.000 đồng mà anh Q đã chuyển trả thì còn nợ lại bao nhiêu anh Q thống nhất trả, còn việc chị T tính lãi theo biên nhận thì anh Q không đồng ý. Anh Q khẳng định chỉ có nợ hụi chứ không có nợ vay của chị T.

Đối với biên nhận tiền hụi ngày 20/5/2024 số tiền 518.000.000 đồng thì anh Q không thừa nhận là chữ ký, chữ viết ghi họ tên của anh Q trong biên nhận nên yêu cầu giám định. Sau khi có kết quả giám định và tại phiên tòa sơ thẩm anh Q thừa nhận chữ ký và chữ ghi họ tên là của anh Q nhưng khẳng định là không có nợ hụi 518.000.000 đồng với chị T.

Anh Q cho rằng anh Q tham gia dây hụi do chị T làm chủ thì rất nhiều dây hụi, không nhớ rõ nhưng bắt đầu là từ năm 2018-2019 và cũng đã hốt hụi, chưa chầu hụi nên mới chốt lại còn nợ 622.000.000 đồng và viết biên nhận ngày 29/3/2023. Còn số tiền 130.000.000 đồng mà anh Q chuyển trả cho chị T như đã trình bày trên thì tại phiên tòa sơ thẩm anh Q khẳng định lại đây là số tiền mà anh Q trả cho hai dây hụi khui ngày 16 tháng 3 năm 2023, hụi 10.000.000 đồng và dây hụi khui ngày 20 tháng 3 năm 2024, hụi 5.000.000 đồng như phía đại diện của chị O trình bày, anh Q không tranh chấp, không yêu cầu trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp, đã áp dụng: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Mỹ T.

1.1 Buộc anh Nguyễn Văn Q trả nợ vay gốc 622.000.000 đồng và lãi 154.878.000 đồng, tổng cộng gốc lãi 776.878.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu Tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng) cho chị Phan Thị Mỹ T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2 Buộc anh Nguyễn Văn Q trả nợ hụi gốc 518.000.000 đồng và lãi 68.790.400 đồng, tổng cộng gốc lãi 586.790.400 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng) cho chị Phan Thị Mỹ T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp) về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là quyền sử dụng đất tại các thửa:

- Thửa 355 diện tích 6.598,1m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955275, số vào sổ cấp GCN: CN 04128 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên;

- Thửa 320, diện tích 10.256,8m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955276, số vào sổ cấp GCN: CN 04129 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên;

- Thửa 287, diện tích 7.389,1m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955277, số vào sổ cấp GCN: CN 04130 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 01 tháng 10 năm 2025, bị đơn Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm số: 129/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025, theo hướng không chấp nhận yêu cầu của chị T về nợ hụi 518.000.000 đồng và tiền lãi, còn số nợ 622.000.000 đồng thì anh Q cho là nợ hụi không phải nợ vay như yêu cầu của chị T và cũng không đồng ý chịu lãi theo yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q tranh luận: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, tôi thống nhất với ý kiến của Luật sư H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi. Tôi khẳng định chỉ có nợ hụi chị T tổng cộng 622.000.000 đồng, không có nợ số tiền 518.000.000 đồng. Tôi có nộp đơn yêu cầu giám định đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để có căn cứ giải quyết vụ án khách quan.

Luật sư H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh Q có tham gia chơi hụi do chị T làm thảo hụi, tổng kết bốn dây hụi đã

mãn chị T có choàn hụi thay cho anh Q và anh Q có ghi nợ chị T tổng cộng 622.000.000 đồng nhưng thể hiện qua biên nhận vay tiền ngày 29/3/2023. Để chứng minh cho lời trình bày của mình anh Q có cung cấp vi bằng được lập thể hiện việc trao đổi qua zalo giữa chị T và anh Q. Cộng số tiền anh Q còn nợ lại trong bốn dây hụi (1. Dây hụi 10.000.000 đồng, khui ngày 04 tháng 02 năm 2022, hai tháng khui một lần, gồm 13 hụi viên, anh Q tham gia 02 chân; 2. Dây hụi ngày 04 tháng 3 năm 2022 với số tiền 4.000.000 đồng, gồm 21 hụi viên; 3. Dây hụi ngày 01 tháng 6 năm 2022 với số tiền 4.000.000 đồng, gồm 21 hụi viên, anh Q tham gia 02 chân; 4. Dây hụi ngày 24 tháng 10 năm 2022 với số tiền 5.000.000 đồng, gồm 19 hụi viên, anh Q tham gia 02 chân hụi) ra con số 622.000.000 đồng. Như vậy, khẳng định anh Q còn nợ hụi chị T số tiền 622.000.000 đồng không có nợ 518.000.000 đồng tiền hụi vì không có căn cứ tính ra số tiền hụi anh Q còn thiếu chị T là 518.000.000 đồng mà chính xác là 622.000.000 đồng. Mặt khác, anh Q là nông dân nên không có nhu cầu vay số tiền lớn đến 622.000.000 đồng của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Q sửa án sơ thẩm buộc anh Q trả cho chị T số tiền hụi là 622.000.000 đồng, do là nợ hụi nên không buộc anh Q trả lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định tranh chấp dân sự về *"Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi"* là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Toà án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2025/DS-ST, đến ngày 01 tháng 10 năm 2025, bị đơn Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Như vậy, kháng cáo của anh Q còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục kháng cáo thông thường.

[3]. Xét nội dung kháng cáo:

[3.1]. Xét yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh Q trả nợ vay gốc 622.000.000 đồng, lãi 154.878.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo biên nhận ngày 29/03/2023 số tiền vay gốc 622.000.000 đồng thì trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Q thừa nhận chữ ký, ghi họ tên trong

biên nhận là của anh Q và anh Q cũng thừa nhận số nợ đúng là 622.000.000 đồng từ đó cho thấy các bên thống nhất có nợ là có thật, được hai bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q cho rằng số nợ này là nợ hụi chứ không phải nợ vay nhưng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm phía đại diện của chị T cũng không thừa nhận đây là nợ hụi như anh Q khai, nội dung trong biên nhận thể hiện anh Q mượn tiền chị T. Như vậy, xác định đây là nợ vay.

Về tiền lãi 154.878.000 đồng chị T yêu cầu, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo biên nhận nợ đề ngày 29/3/2023 với số nợ gốc 622.000.000 đồng, không thỏa thuận mức lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nên căn cứ quy định tại các điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 xét yêu cầu tiền lãi của chị T tính lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự với mức lãi 10% trên năm là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2]. Xét yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh Q trả nợ hụi 518.000.000 đồng, tiền lãi 68.790.400 đồng. Nội dung biên nhận có ghi "*tôi có nhận tiền hụi của chị Phan Thị Mỹ T và hứa sẽ chầu đủ hụi lại cho đến khi mãn hụi"*. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Q thừa nhận đúng là chữ ký và ghi họ tên anh trong biên nhận đề ngày 20/5/2024 nhưng lại khẳng định không có nợ hụi 518.000.000 đồng với chị T nhưng anh Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình trong khi đó phía nguyên đơn cung cấp biên nhận được anh Q thừa nhận ký và viết tên trong biên nhận. Như vậy, chị T yêu cầu anh Q trả nợ hụi và tính lãi là có cơ sở.

[3.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q yêu cầu giám định tuổi mực chữ viết ở phần "*họ tên và chữ ký"* so với *"chữ viết trong nội dung biên nhận số tiền 518.000.000 đồng ngày 20/5/2024"* có phải viết cùng thời điểm không vì anh Q cho rằng khi hốt hụi anh ký vào giấy nợ còn để trống không ghi nội dung. Xét thấy, qua các kết quả giám định *"Kết luận giám định số 795/KL-KTHS ngày 21/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn Q trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn Q trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người ký, viết ra và Kết luận giám định số 553/KL-KTHS ngày 11/9/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Q, chữ viết họ tên "Nguyễn Văn Q" dưới mục "người nhận tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký chữ viết đứng tên Nguyễn Văn Q trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M11 là do cùng một người ký, viết ra"* và sự thừa nhận của anh Q. Hơn nữa, việc anh Q yêu cầu giám định không làm thay đổi nội dung vụ án mà chỉ nhằm mục đích kéo dài thời gian nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giám định của anh Q.

[3.4]. Anh Q kháng cáo có cung cấp vi bằng ghi lại quá trình trao đổi qua lại về tiền hụi giữa chị T và anh Q, tại trang 256 và 257 khi chị T nói *"... ký giấy vay 6.20 triệu tiền lãi có giấy tờ đàng hoàng.."* thì anh Q không phản ứng xem như thừa nhận có vay tiền của chị T, anh Q đáp *"M xuống đưa 10tr rồi*

nói”. Như vậy, khẳng định anh Q có vay của chị T số tiền 622.000.000 đồng. Vi bằng không có căn cứ nào thể hiện tổng cộng anh Q còn nợ chị T 622.000.000 đồng tiền hụi như anh Q và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh trình bày. Như vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Q nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4]. Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn anh Nguyễn Văn Q là không có căn cứ pháp luật, không phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003354 ngày 03/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Vậy anh Q đã nộp xong án phí.

[7]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Q. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp.

1.1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Mỹ T.

1.1.1. Buộc anh Nguyễn Văn Q trả nợ vay gốc 622.000.000 đồng và lãi 154.878.000 đồng, tổng cộng gốc lãi 776.878.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu Tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng) cho chị Phan Thị Mỹ T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.1.2. Buộc anh Nguyễn Văn Q trả nợ hụi gốc 518.000.000 đồng và lãi 68.790.400 đồng, tổng cộng gốc lãi 586.790.400 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng) cho chị Phan Thị Mỹ T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp) về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là quyền sử dụng đất tại các thửa:

- Thửa 355 diện tích 6.598,1m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955275, số vào sổ cấp GCN: CN 04128 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên;

- Thửa 320, diện tích 10.256,8m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955276, số vào sổ cấp GCN: CN 04129 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên;

- Thửa 287, diện tích 7.389,1m², tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DM 955277, số vào sổ cấp GCN: CN 04130 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp vào ngày 18/9/2023 cho anh Nguyễn Văn Q đứng tên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003354 ngày 03/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Vậy anh Q đã nộp xong án phí.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 10 giờ 15 phút kết thúc lúc 10 giờ 25 phút cùng ngày, có mặt chị T, chị O, anh Q và luật sư H.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- TK Đạt 2026.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính